

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2011**Môn: NGỮ VĂN; Khối: C***Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề***PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 điểm)****Câu I. (2,0 điểm)**

Trong phần mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn những bản tuyên ngôn nào? Việc trích dẫn đó có ý nghĩa gì?

Câu II. (3,0 điểm)

Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.
Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

PHẦN RIÊNG (5,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu III.a hoặc III.b)

Câu III.a. Theo Chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

Phân tích tình huống truyện trong tác phẩm *Chữ người tử tù* của nhà văn Nguyễn Tuân.

Câu III.b. Theo Chương trình Nâng cao (5,0 điểm)

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

Cặp vợ chồng yêu thương nhau góp nên hòn Trống Mái

Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương

Những con rồng năm im góp dòng sông xanh thắm

Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên

Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh

Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm

Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha

Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy

Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...

(Đất Nước – Trích trường ca Mặt đường khát vọng, Nguyễn Khoa Điềm)

Ngữ văn 12 Nâng cao, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr. 117 – 118)

Phân tích đoạn thơ trên để làm rõ những cảm nhận riêng, độc đáo về đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu I. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần nêu được những nội dung cơ bản sau :

a. Trong phần mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn :

- Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776.
- Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791.

b. Ý nghĩa của việc trích dẫn:

- Tác giả tạo một cơ sở pháp lý vững chắc cho bản tuyên ngôn để khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam là “một lẽ phải không ai chối cãi được”, đồng thời tạo tiền đề cho lập luận nêu ở phần sau.

- Tác giả thể hiện thái độ trân trọng tinh hoa văn hóa nhân loại, đề cao truyền thống bình đẳng, nhân đạo, tư tưởng dân chủ tiến bộ của hai nước Pháp và Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

- Tác giả muốn từ vấn đề nhân quyền để “suy rộng ra” và phát triển thành quyền dân tộc. Đây là đóng góp lớn về tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Tác giả cũng chỉ ra cho thực dân Pháp thấy rõ: nếu chúng âm mưu tái chiếm nước ta là xúc phạm đến nguyên lý về quyền độc lập tự do mà chính tổ tiên của chúng đã nêu ra trước kia. Đây là lối tranh luận “lấy gậy ông đập lưng ông” thể hiện thái độ vừa kiên quyết vừa khôn khéo của tác giả. Mặt khác, khi đặt ba bản tuyên ngôn ngang nhau, tác giả còn bộc lộ sâu sắc niềm tự hào dân tộc.

Câu II: Thí sinh cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản của câu hỏi: Viết bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ về ý kiến: biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng xấu hổ còn quan trọng hơn.

Thí sinh có thể trình bày bài viết theo những nội dung cụ thể khác nhau. Sau đây là một số gợi ý :

- Giới thiệu ý kiến của đề bài: biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng xấu hổ còn quan trọng hơn.

- Giải thích :

+ Tự hào : lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

+ Xấu hổ : cảm thấy hổ thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi trước người khác.

+ Ý kiến : thể hiện quan điểm của người phát biểu về quan hệ của tự hào với xấu hổ : tự hào thì cần thiết, xấu hổ quan trọng hơn.

- Phân tích, chứng minh :

+ Tự hào là cần thiết :

· Người tự hào thường là người hiểu rõ bản thân, nhất là sở trường, các tốt đẹp của bản thân. Do đó cũng dễ là người có thái độ tự tin.

· Tự hào thường mang lại những cảm xúc tích cực. Nó giúp người ta dễ phấn khởi trong hành động. Do đó cuộc sống dễ đạt được những thành công.

+ Biết xấu hổ còn quan trọng hơn :

· Biết xấu hổ, người ta dễ tránh những lỗi lầm sai trái.

· Biết xấu hổ, người ta dễ nỗ lực vươn lên để khắc phục những kém cỏi của bản thân.

· Biết xấu hổ, người ta dễ có lòng khiêm tốn, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm.

· Biết xấu hổ là một trong những biểu hiện của lòng tự trọng, của nhận thức về phẩm giá con người.

- Biết xấu hổ, người ta cũng dễ biết kiềm chế bản thân trước các tình huống.
- Phê phán : Trong thực tế, có những người không biết tự hào, cũng chẳng tự trọng, vô cảm với mình, với người. Nguyên nhân thường do thiếu nhận thức, thiếu kỹ năng sống.
- Bình luận : Tự hào, tự trọng (mà biết xấu hổ là một biểu hiện của nó) là những phẩm chất đáng quý mà mỗi người cần có, trong đó cần nhận thức tự hào là cần thiết nhưng tự trọng thì quan trọng hơn.
- Làm sao để có lòng tự hào và tự trọng :
 - + Cần có hiểu biết và ý thức về giá trị con người và cuộc sống.
 - + Cần có hiểu biết về ý nghĩa quan trọng của phẩm giá cá nhân.
 - + Cần nỗ lực phấn đấu rèn luyện trau dồi những phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết để sống tốt.

Câu III.a:**1. Yêu cầu về kỹ năng:**

- _ Biết cách làm một bài nghị luận văn học để cảm nhận tác phẩm về nội dung, nghệ thuật
- _ Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ

2. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở hiểu biết, thí sinh trình bày theo nhiều cách nhưng cần nêu được những ý chính sau:

1. Tác giả, tác phẩm:

- Tác giả: Nguyễn Tuân là nhà văn mang phong cách tài hoa, uyên bác
- Tác phẩm: “Chữ người tử tù” rút ra từ tập “Vang bóng một thời” (1940), không chỉ thành công về nội dung mà còn có những nghệ thuật đặc sắc, nhất là tạo tình huống truyện độc đáo.

2. Phân tích cụ thể:

- Tìm hiểu về tình huống truyện trong tác phẩm tự sự, trong “Chữ người tử tù”
 - + Sự gặp gỡ giữa những tâm hồn yêu cái đẹp trong hoàn cảnh éo le, đầy kịch tính.
 - + Quản ngục, thơ lại là người có quyền trong nhà tù – Huấn Cao, phạm nhân đều hướng về cái đẹp của nghệ thuật thư pháp
- Khai thác tình huống truyện xoay quanh hai tuyến nhân vật:
 - + Huấn Cao:
 - Tài viết chữ đẹp hấp dẫn quản ngục, ông xem việc có được chữ của ông Huấn là có báu vật trên đời
 - Tâm: yêu nước, hiên ngang, bất khuất của người có tài, “biệt nhỡn liên tài” để tìm người giữ chữ cho đời (chọn dẫn chứng và phân tích để làm bật lên những ý trên)
 - + Quản ngục, thơ lại:
 - Hai nhân vật này hợp lại để xin và giữ chữ bằng cái tâm hướng về cái đẹp
 - Yêu cái đẹp đến độ dám chơi chữ với tử tù (chọn dẫn chứng và phân tích)

+ Và kết thúc của tình huống truyện là “cảnh cho chữ lạ lùng chưa từng có”:

- Cho chữ ở nhà ngục tử tù bật lên sự tồn tại vĩnh hằng của thư pháp ngay chốn tử tù
 - Sự thay bậc đổi ngôi: người tù thì đứng, dù cổ mang gông, chân vướng xiềng vẫn ung dung cho chữ, còn thơ lại, quản ngục run run, khúm núm.
 - Nhà tù tối tăm, hôi hám, dơ bẩn nhưng sáng rực với bó đuốc soi rọi trên ba cái đầu chụm vào nhau cùng hướng về tấm lụa bạch và mùi thơm của thoi mực.
 - Sức mạnh của thư pháp cảm hứng kẻ làm đường lạc lối về với nẻo chính đường ngay (minh họa và phân tích)
- Cảm nhận chung: Nghệ thuật tạo tình huống truyện trong “Chữ người tử tù” làm bật lên tư tưởng, nội dung của tác phẩm “Chữ người tử tù”.

3. Đánh giá tác giả, nghệ thuật tạo tình huống truyện của tác phẩm.

Câu III.b.

1) Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích :

- Trường ca *Mặt đường khát vọng* viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ các thành thị vùng tạm chiếm ở miền Nam: nhận rõ bộ mặt xâm lược của đế quốc Mỹ, hướng về nhân dân, đất nước, ý thức được sứ mệnh của thế hệ mình, đứng dậy xuống đường đấu tranh hoà nhịp với cuộc chiến đấu của toàn dân tộc. Đoạn thơ trích thuộc phần đầu của chương V.

- Tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” được thể hiện tập trung qua đoạn thơ :

“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu

...

Những cuộc đời đã hóa núi sông ta.”

chi phối cách cảm nhận của nhà thơ về các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá ... của đất nước.

2) Phân tích đoạn thơ :

a. Tám câu đầu: Tác giả cảm nhận Đất Nước qua những địa danh, thắng cảnh. Những địa danh, thắng cảnh ấy gắn với cuộc sống, số phận, tính cách của nhân dân, được cảm thụ qua tâm hồn nhân dân. Chú ý khả năng gợi cảm nghĩ, liên tưởng, tưởng tượng của các hình ảnh, cảnh vật: tình nghĩa thủy chung, thắm thiết (hình ảnh *núi Vọng Phu, hòn Trống Mái*); sức mạnh bất khuất (chuyện *Thánh Gióng*); cội nguồn thiêng liêng (hướng về *đất Tổ Hùng Vương*); truyền thống hiếu học (cách cảm nhận về *núi Bút non Nghiên*); Đất Nước tươi đẹp (cách nhìn dân dã về núi *Con Cóc, Con Gà*, về dòng sông Cửu Long gợi dáng *những con rồng*)vv... Đất Nước hiện lên vừa gần gũi, vừa thiêng liêng.

b. Bốn câu cuối nâng ý thơ lên tầm khái quát: sự hoá thân của Nhân Dân vào bóng hình Đất Nước. Nhân Dân chính là người đã tạo dựng, đã đặt tên, ghi dấu ấn cuộc đời mình lên mỗi ngọn núi, dòng sông, miền đất này.

c. Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất nhiều địa danh quen thuộc, những chất liệu văn hoá dân gian để nói về Đất Nước. Theo Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước được hình thành từ công sức của nhân dân, của những con người lao động bình dị. Đây cũng là biểu hiện chiều sâu tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” trong cảm hứng sáng tạo của nhà

thơ.

3) Đánh giá chung :

- Đoạn thơ đã làm rõ những cảm nhận riêng, độc đáo về Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm: không thiêng liêng hóa Đất Nước như trong thơ xưa, mà bằng những hình ảnh thơ rất cụ thể, đời thường, thấm đẫm chất liệu văn hóa dân gian nên Đất Nước gần gũi, gắn liền với mọi con người Việt Nam hôm nay.

- Ra đời trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ của cả nước đang ác liệt, bài thơ có tác dụng như một sự thức tỉnh đối với tuổi trẻ các thành thị miền Nam về tình yêu quê hương đất nước, ý chí đấu tranh bảo vệ độc lập tự do.

Nguyễn Hữu Dương, Hà Phương Minh
(TT Luyện thi Đại học Vĩnh Viễn – TP.HCM)